TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày: 26/01/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Mai Thị Bỉ;

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương;

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Phước Mãi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Phát, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2017/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; Địa chỉ trụ sở: phường H, đường T, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1982 (Có mặt); Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch T thuộc Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: ấp B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

2/ Bị đơn:

2.1/ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1964 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cả hai cùng địa chỉ: ấp 3, xã Q, huyện T, tỉnh L.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị H, sinh năm: 1957; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Đ và những lời trình bày tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Quốc T, như sau:

Ngày 14/7/2016 vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N có ký hợp đồng tín dụng số 01/2016/8742758/HĐTD để vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 750.000.000đ; mục đích vay: Xây nhà; lãi suất vay: 11,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; thời hạn trả vốn vay là 60 tháng theo định kỳ 06 tháng trả vốn 01 lần, mỗi lần trả 60.000.000đ, kỳ trả vốn đầu tiên là ngày 14/01/2017; thời hạn trả lãi định kỳ 03 tháng 01 lần, tiền lãi tính trên số dư nợ tại thời điểm trả lãi.

Sau khi vay, đến ngày 14/10/2016 thì ông V, bà N có trả tiền lãi cho Ngân hàng với số tiền là 22.041.667đ. Sau đó, thì ông V và bà N không thực hiện việc trả tiền vốn vay và tiền lãi theo thỏa thuận.

Việc ông V và bà N không trả tiền vốn vay và tiền lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V và bà N phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vốn vay theo thỏa thuận ghi tại điểm d khoản 4 Điều 8 của hợp đồng là 750.000.000đ và tiền lãi.

Tiền lãi được tính bao gồm: Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 14/7/2016 đến ngày 26/01/2018 là 136.031.250đ nhưng trừ vào số tiền lãi đã trả là 22.041.667đ do đó còn lại là 113.989.583đ. Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/01/2017 đến ngày 26/01/2018 là 5.674.500đ. Tổng cộng tiền lãi trong hạn và quá hạn yêu cầu trả là 113.989.583đ + 5.674.500đ = 119.664.083đ.

Tổng cộng số tiền vốn vay và tiền lãi Ngân hàng yêu cầu ông V và bà N trả là 750.000.000đ + 119.664.083đ = 869.664.083đ.

Khi vay tiền, ông V và bà N có thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất của 03 thửa đất gồm thửa số 299, 34, 48 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp 3, xã Q,

huyện T, tỉnh L cùng các tài sản có trên đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8742758/HĐBĐ ngày 14/7/2016. Do đó, nếu ông V và bà N không trả tiền hoặc trả tiền không đủ thì Ngân hàng yêu cầu cho xử lý các tài sản thế chấp gồm 299, 34, 48 tờ bản đồ số 11 cùng các tài sản có trên đất nêu trên để thu hồi nợ.

2/ Đồng bị đơn, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Phan Thị H, trình bày:

Hiện tại bà Nguyễn Thị Ngọc N phải có nghĩa vụ thi hành án cho bà với số tiền 60.000.000đ và tiền lãi theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 32/2016/QĐST-DS, ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tuy nhiên, do Quyết định số 32/2016/QĐST-DS, ngày 29/11/2016 ban hành sau khi ông V và bà N thế chấp các tài sản để vay vốn của Ngân hàng nên bà không tranh chấp gì đối với hợp đồng thế chấp trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Các đương sự có mặt trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Đồng thời, vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như nội dung tóm tắt của vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An:

Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vốn vay là 750.000.000đ và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng đã được hai bên ký kết.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N còn phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi nợ quá hạn cho Ngân hàng TMCP Đ tính từ ngày 27/01/2018

trên số tiền vốn vay chưa thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2016/8742758/HĐTD, ngày 14/7/2016 cho đến khi thi hành án xong số tiền vốn vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N không trả hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất các thửa đất số 299, 34 và 48 cùng tất cả các tài sản có trên các thửa đất số 299 và 34 để thu hồi nợ.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải liên đới chịu chi phí tố tụng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N trả tiền vốn vay và tiền lãi. Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông V và bà N.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Tòa án đã niêm yết cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp. Ông V và bà N đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, thể hiện tại "Đơn xin vắng mặt" ngày 20/11/2017 của ông V và bà N có xác nhận của Ủy ban nhân dân (nơi ông V và bà N đang lưu trú) (Bl 137-138) nhưng ông V và bà N không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Vì vậy, có căn cứ xác định hiện ông

Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền vốn vay là 750.000.000đ.

[3.2] Tại điểm d khoản 4 Điều 8 của hợp đồng tín dụng có ghi: "Bên vay không trả được bất kỳ một khoản nợ nào đến hạn phát sinh từ hợp đồng mà không được gia hạn hoặc điều chỉnh thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn". Mặc dù, hợp đồng vay tiền có thời hạn là 60 tháng nhưng do ông V và bà N đã vi phạm định kỳ trả nợ nên việc Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ số tiền vốn vay được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với số tiền lãi, Ngân hàng yêu cầu ông V và bà N trả số tiền lãi trong hạn của hợp đồng vối lãi suất 11,5%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày vay tiền (ngày 14/7/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/01/2018) là 136.031.250đ nhưng do ông V và bà N đã trả 22.041.667đ nên buộc ông V và bà N phải tiếp tục trả 113.989.583đ. Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/01/2017 đến ngày 26/01/2018 là 5.674.500đ cũng được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng cộng số tiền lãi được chấp nhận là 113.989.583đ + 5.674.500đ = 119.664.083đ (làm tròn là 119.664.000đ).

[4] Đối với hợp đồng thế chấp: Hội đồng xét xử xác định các tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất của 03 thửa đất số 299, 34, 48 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã Q, huyện T, tỉnh L cùng các tài sản có trên đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8742758/HĐBĐ ngày 14/7/2016 là của ông V và bà N. Khi ký hợp đồng thế chấp này, các tài sản nêu trên không bị tranh chấp, không bị kê biên để thi hành án và tại thời điểm xét xử, hợp đồng thế chấp này cũng không bị ai khiếu nại hoặc tranh chấp nên hợp đồng có hiệu lực. Do đó, nếu ông V và bà N không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[7] Về chi phí tố tụng: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc công nhận hợp đồng thế chấp tài sản nên ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu các chi phí tố tụng khi thực hiện đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ các tài sản là 5.152.000đ. Do các chi phí này Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng nên buộc ông V và bà N phải hoàn trả chi phí này cho Ngân hàng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng. TMCP Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 317, 318, 319, 320, 323, 325 và 299 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền vốn vay là 750.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 26/01/2018 là 119.664.000đ, tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi là 869.664.000đ (Tám trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N còn phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi nợ quá hạn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tính từ ngày 27/01/2018 trên số tiền vốn vay chưa thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2016/8742758/HĐTD, ngày 14/7/2016 cho đến khi thi hành án xong số tiền vốn vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N không trả hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất các thửa đất số 299, 34 và 48, tất cả thuộc tờ bản đồ số 11 và cùng tọa lạc tại ấp 3, xã Q, huyện T, tỉnh L cùng tất cả các tài sản có trên các thửa đất số 299 và 34 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8742758/HĐBĐ ngày 14/7/2016 để thu hồi nợ.

(Các thửa đất và các tài sản này thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 05 và số 06-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ, ngày 09/01/2018).

2/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải liên đới chịu chi phí tố tụng là 5.152.000đ (Năm triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng). Do chi phí ngày Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ 5.152.000đ (Năm triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, nếu chậm thi hành, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N còn phải liên đới trả tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tính trên số tiền chậm thi hành.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải liên đới chịu 38.090.000đ (Ba mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.391.000đ (Mười tám triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số 04853, ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
-Các đương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Quốc Dũng